**I. THEO DÒNG LỊCH SỬ**

- 10/3 (Âm lịch): Ngày giỗ tổ Hùng Vương.  
- 01/4/1975: Ngày giải phóng tỉnh Phú Yên.  
- 07/4/1907: Ngày sinh Tổng Bí thư Lê Duẩn.  
- 21/4: Ngày sách Việt Nam.  
- 22/4: Kỷ niệm Ngày sinh của V.I. LÊNIN  
- 23/4: Ngày sách và bản quyền thế giới.  
- 25/4/1976: Ngày tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước.  
- 30/4/1975: Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.  
- 01/5/1886: Ngày Quốc tế Lao động.

**II. KỶ NIỆM 115 NĂM NGÀY SINH CỦA ĐỒNG CHÍ LÊ DUẨN**



- Năm 1928, đồng chí tham gia Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.

- Năm 1930 trở thành một trong những Đảng viên đầu tiên của Đảng.

- Năm 1931, đồng chí là uỷ viên Ban Tuyên huấn Xứ uỷ Bắc Kỳ và cũng trong năm đó, đồng chí bị địch bắt tại Hải Phòng, bị kết án 20 năm tù cấm cố và lần lượt bị giam ở các nhà lao Hà Nội, Sơn La và Côn Đảo. Tại các nhà tù này, đồng chí tham gia các cuộc đấu tranh chống chế độ giam cầm hà khắc và tổ chức việc học tập chính trị.

- Năm 1936, do cuộc đấu tranh của nhân dân ta và thắng lợi của Mặt trận Bình dân Pháp, chính quyền thực dân ở Đông Dương buộc phải trả tự do cho nhiều chiến sĩ cách mạng Việt Nam, trong đó có đồng chí Lê Duẩn. Ra khỏi nhà tù, đồng chí ra sức hoạt động cách mạng ở các tỉnh miền Trung, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương nhằm động viên, tập hợp quần chúng đấu tranh chống bọn phản động thuộc địa, chống nguy cơ phát xít và chiến tranh.   
Năm 1938, đồng chí Lê Duẩn giữ chức Bí thư Xứ uỷ Trung Kỳ và từ đó đến năm 1939, hoạt động tích cực của đồng chí góp phần quan trọng đưa tới cao trào đấu tranh sôi nổi trọng cả nước.

- Năm 1939 đồng chí được cử làm Uỷ viên Trung ương Đảng.

- Năm 1940, đồng chí bị địch bắt ở Sài Gòn, bị kết án mười năm tù và đày đi Côn đảo lần thứ hai cho đến Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, đồng chí được Đảng và Chính phủ đón về đất liền, tham gia cuộc kháng chiến ở Nam Bộ.

- Năm 1946, ra Hà Nội làm việc, góp phần cùng Trung ương Đảng chuẩn bị cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp. Cuối năm đó, đồng chí được Bác Hồ và Trung ương Đảng cử vào lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Tại Đại hội lần thứ II của Đảng năm 1951, đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị.

- Từ năm 1946 đến 1954, làm Bí thư Xứ uỷ, rồi Bí thư Trung ương Cục miền Nam.

- Từ năm 1954 đến 1957, sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, đồng chí trở lại miền Nam làm Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ.

- Năm 1958, Trung ương cử đồng chí vào Ban Bí thư và chủ trì công việc của Ban Bí thư. Năm 1960 tại Đại hội lần thứ III, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương đồng chí Lê Duẩn đọc Báo cáo chính trị, cũng tại Đại hội này, đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, giữ chức Bí thư thứ nhất.

- Suốt 15 năm trên cương vị này, đồng chí cùng với Bộ Chính trị và Trung ương Đảng kiên định đường lối độc lập, tự chủ, tranh thủ sự viện trợ, giúp đỡ và đoàn kết quốc tế, sáng suốt lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang cách mạng đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

- Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12 năm 1976) và lần thứ V (tháng 3 năm 1982), đồng chí Lê Duẩn được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương và được cử vào Bộ Chính trị, giữ chức Tổng Bí thư.

- Đồng chí Lê Duẩn là đại biểu Quốc hội từ khoá II đến khoá VII.

Đồng chí từ trần 10/7/1986.

Nguồn: tulieuvankien.dangcongsan.vn

**III. NGÀY GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG 10/3 (ÂM LỊCH)**

Ngày 10/3 âm lịch hàng năm là ngày Quốc lễ, tưởng nhớ các vua Hùng đã có công dựng nước và giữ nước.`Cứ đến ngày 10/3 âm lịch, người ta lại nhắc nhau rằng:

“Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày Giỗ Tổ mồng mười tháng Ba

Khắp miền truyền mãi câu ca

Nước non vẫn nước non nhà ngàn năm”

 Giỗ Tổ Hùng Vương diễn ra vào ngày mồng 10 tháng 3 âm lịch, tại Đền Hùng, Việt Trì, Phú Thọ.

Nguồn gốc ngày Giỗ tổ Hùng Vương . Theo truyền thuyết dân gian, Lạc Long Quân và Âu Cơ được xem là Thủy Tổ người Việt, cha mẹ của các Vua Hùng. Bởi vậy Lễ hội Đền Hùng còn gọi là Giỗ Tổ Hùng Vương, có vị thế đặc biệt trong tâm thức của người Việt. Giỗ Tổ Hùng Vương diễn ra vào ngày mồng 10 tháng 3 âm lịch, tại Đền Hùng, Việt Trì, Phú Thọ. Trước đó hàng tuần, lễ hội đã diễn ra với nhiều hoạt động văn hoá dân gian và kết thúc vào ngày 10 tháng Ba âm lịch với Lễ rước kiệu và dâng hương tại Đền Thượng

Để ghi nhớ công ơn của các Vua Hùng có công khai thiên, lập địa, vua Lê Thánh Tông năm 1470 và đời vua Lê Kính Tông năm 1601 sao chép đóng dấu kiềm để tại Đền Hùng, chọn ngày 11 và 12 tháng 3 âm lịch làm ngày giỗ Tổ Hùng Vương. Đến thời nhà Nguyễn - năm Khải Định thứ 2 chính thức chọn ngày 10 tháng 3 Âm lịch làm ngày giỗ Tổ Hùng Vương để tưởng nhớ các Vua Hùng và nhắc nhở mọi người Việt Nam cùng tưởng nhớ thờ cúng Tổ tiên.

Vào ngày 6/12/2012, việc giỗ tổ Hùng Vương đã được cả thế giới biết đến khi UNESCO công nhận “Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ” là một Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Ngày giỗ tổ Hùng Vương 10/3 không chỉ thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn mà còn là niềm tự hào của người Việt trước bạn bè quốc tế. Tổng số trên cả nước có 1.417 đền thờ Vua Hùng.

 Ngày giỗ Tổ Hùng Vương hàng năm là ngày hội chung của toàn dân, ngày mà "dù ai đi ngược về xuối, nhớ ngày Giỗ tổ mồng 10 tháng 3" đều quay về với cội nguồn, tưởng nhớ đến công lao của các vị vua Hùng đã có công dựng nước và giữ nước. Trong ngày này, nhân dân cả nước còn có điều kiện để tham gia vào các hoạt động văn hóa thể hiện lòng thành kính tri ân các Vua Hùng đã có công dựng nước và các bậc tiền nhân đã vì dân giữ nước.

Theo đánh giá của các chuyên gia UNESCO, “Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương” đã đáp ứng được tiêu chí quan trọng nhất trong 5 tiêu chí, đó là, di sản có giá trị nổi bật mang tính toàn cầu, khích lệ ý thức chung của mọi dân tộc trong việc thúc đẩy giá trị đó.

Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng còn là dịp để giáo dục truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, đồng thời còn là dịp quan trọng để chúng ta quảng bá ra thế giới về một Di sản vô cùng giá trị, độc đáo, đã tồn tại hàng nghìn năm, ăn sâu vào tâm hồn, tình cảm, trở thành đạo lý truyền thống của đồng bào cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài, là ngày để toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta cùng nguyện một lòng mãi mãi khắc ghi lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước - Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

 Cho đến nay, Đảng và Nhà nước đều rất quan tâm tới việc thờ cúng các Vua Hùng, cấp kinh phí để tôn tạo không gian thờ cúng, đưa truyền thuyết Hùng Vương vào chương trình giảng dạy để giáo dục thế hệ trẻ, cho phép nhân dân cả nước nghỉ lễ ngày giỗ Tổ (mùng 10 tháng 3 âm lịch) để tham gia, tổ chức các hoạt động tế lễ hướng về cội nguồn dân tộc.

                                                                                Nguồn: https://baoquankhu7.vn/y-nghia-ve-ngay-gio-to-hung-vuong-mong-10-thang-3-am-lich-1582375498-008414s37510gs

**IV. SỰ RA ĐỜI VÀ Ý NGHĨA CỦA NGÀY SÁCH VIỆT NAM 21/4**

Trong đời sống tinh thần của mỗi chúng ta, sách là sản phẩm văn hóa tinh thần, là kho tàng tri thức đóng vai trò rất quan trọng, là người thầy vĩ đại thắp sáng trong mỗi chúng ta nguồn tri thức vô tận. Dạy cho chúng ta cách sống, cách làm người, hướng tới những giá trị nhân văn cao cả. Có thể nói sách là những người bạn gần gũi chia sẻ mọi niềm vui, nỗi buồn của mỗi người. Và đọc sách đã trở thành một nhu cầu cần thiết không thể thiếu của mỗi con người. Ở thời đại nào, con người cũng lấy việc học, và đọc sách là một trong những phương cách để hoàn thiện nhân cách con người, để tiến bộ trong cuộc sống cá nhân và đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội. Cha ông ta đã coi việc đọc sách là một hành vi văn hóa cao đẹp. Từ đọc sách, sưu tầm sách, xây dựng tủ sách, thư viện là một phần của việc hình thành văn hóa đọc. Văn hóa đọc là một trong những nguồn năng lượng quan trọng thúc đẩy sự phát triển bền vững.

Nhận thấy tầm quan trọng của văn hóa đọc, ngày 24/2/2014, Thủ tướng Chính Phủ đã ký Quyết định số 284/QĐ-TTg lấy ngày 21/4 hàng năm là ngày Sách Việt Nam nhằm khuyến khích và phát triển phong trào đọc sách trong cộng đồng, nâng cao nhận thức của nhân dân về ý nghĩa to lớn và tầm quan trọng của việc đọc sách đối với việc phát triển kiến thức, kỹ năng và phát triển tư duy, giáo dục và rèn luyện nhân cách con người. Đây thật sự là niềm vui lớn cho những người yêu sách.  
  
Ngày Sách Việt Nam là sự kiện văn hóa quan trọng đối với những người yêu sách và cả cộng đồng xã hội. Góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm bản sắc dân tộc. Là dịp để tôn vinh giá trị của sách, khẳng định vị trí, vai trò và tầm quan trọng của sách trong đời sống xã hội. Tôn vinh người đọc và những người tham gia sưu tầm, sáng tác, xuất bản, in, phát hành, lưu giữ sách. Đồng thời, nó còn góp phần quan trọng trong việc nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành đối với việc xây dựng và phát triển văn hóa đọc ở Việt Nam.

Việc lấy ngày 21/4 là ngày Sách Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng. Đây là thời điểm ra mắt cuốn sách đầu tiên của Việt Nam là cuốn “Đường Kách mệnh” của Chủ tịch Hồ Chí Minh - tác phẩm đầu tiên bằng tiếng Việt được in bởi những người thợ in Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tác giả lớn, một Danh nhân văn hóa, các tác phẩm của Người có giá trị không chỉ đối với người dân Việt Nam mà còn được bạn bè quốc tế đón nhận. Việc chọn ngày Sách Việt Nam gắn với một tác phẩm nổi tiếng của Người sẽ có ý nghĩa văn hóa sâu sắc. Bên cạnh đó, tháng 4 còn là thời điểm diễn ra Ngày sách và Bản quyền Thế giới (23/4), nhằm tôn vinh văn hóa đọc, khuyến khích mọi người dân thế giới khám phá niềm yêu thích đọc sách. Việc tổ chức ngày Sách Việt Nam vào dịp này thể hiện sự hội nhập của văn hóa đọc Việt Nam với văn hóa nhân loại, sẽ hấp dẫn và lôi cuốn độc giả.

Nguồn: Cổng thông tin điện tử học viện Quân sự

**​V. KỶ NIỆM 152 NĂM NGÀY SINH CỦA V.I. LÊNIN (22/4/1870-22/4/2022)**



Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam >>> Link tải nội dung: <https://bitly.com.vn/xwgzmy>

**VI. KỶ NIỆM 46 NĂM NGÀY TỔNG TUYỂN CỬ BẦU QUỐC HỘI CỦA NƯỚC VIỆT NAM THỐNG NHẤT (25/4/1976 -25/4/2022)**

Sau ngày miền Nam giải phóng, ở hai miền nước ta vẫn tồn tại hai nhà nước với hai Chính phủ: Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Vấn đề cấp bách trước mắt là phải thực hiện thống nhất nước nhà về mặt nhà nước.

Khi ấy, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đang là nhiệm kỳ Khóa V, được cử tri bầu ngày 6.4.1975. Và tại Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội Khóa V (đầu tháng 6.1975) đã bầu và phê chuẩn bộ máy nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tuy nhiên, đất nước đã thống nhất, cần có Quốc hội thống nhất thực hiện chức năng bầu và phê chuẩn bộ máy nhà nước Việt Nam thống nhất. Thực hiện thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước cũng là chính thức hóa việc thống nhất Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện thống nhất nhà nước về các mặt khác.

Ngày 15.11.1975, đại biểu Nhân dân hai miền đã họp Hội nghị hiệp thương chính trị để thống nhất nhận định về yêu cầu và nội dung của toàn bộ sự nghiệp hoàn thành thống nhất nước nhà… Từ đó đặt ra việc quan trọng trước mắt là tổ chức tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội chung của cả nước, là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của cả nước Việt Nam. Quốc hội sẽ xác định thể chế Nhà nước, bầu ra các cơ quan lãnh đạo của nhà nước và quy định Hiến pháp của nước Việt Nam thống nhất. Cuộc tổng tuyển cử sẽ tiến hành cùng một ngày trong cả nước. Việc bầu cử Quốc hội phải theo nguyên tắc: Phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Trong điều kiện chưa có luật bầu cử hoàn chỉnh áp dụng cho cả nước, và thực tế bối cảnh chính trị - xã hội hai miền còn những khác biệt, Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất Tổ quốc đã nhất trí: Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hội đồng cố vấn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam mỗi bên cử ra 11 người để thành lập Hội đồng Bầu cử toàn quốc. Hội đồng Bầu cử toàn quốc phụ trách chung việc bầu cử trong cả nước có nhiệm vụ giám sát việc bỏ phiếu, tổng kết công tác bầu cử, cấp giấy chứng nhận cho những người trúng cử và báo cáo kết quả cuộc tổng tuyển cử trước Quốc hội Khóa VI (tại Kỳ họp thứ Nhất).

Ở miền Bắc, cơ quan chủ trì cuộc bầu cử là Ủy ban Thường vụ Quốc hội; ở miền Nam, cơ quan chủ trì cuộc bầu cử là Hội đồng cố vấn Chính phủ. Ở mỗi miền, cơ quan chủ trì cuộc bầu cử có quyền và trách nhiệm cử ra Hội đồng Bầu cử miền để phụ trách việc bầu cử của miền. Riêng tỉnh Bình - Trị - Thiên có một phần ở miền Bắc, một phần ở miền Nam nên do cả hai miền cùng phụ trách dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Bầu cử toàn quốc.

Đơn vị bầu cử là tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Những tỉnh, thành phố lớn, đông dân được bầu nhiều đại biểu thì có thể chia thành nhiều khu vực bầu cử. Số đại biểu của từng đơn vị bầu cử do cơ quan chủ trì bầu cử ở mỗi miền quy định. Đây là những điểm phù hợp với tình hình thực tế của giai đoạn cách mạng lúc bấy giờ. Sau này, chúng ta đã xây dựng Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội phù hợp với tình hình chung cả nước; các địa phương ở hai miền Bắc - Nam đã có sự tương đồng về chính trị - xã hội, và qua một số lần sửa đổi, bổ sung luật thì nội dung này cơ bản được quy định: mỗi tỉnh, thành phố chia thành nhiều đơn vị bầu cử tùy theo dân số và số đại biểu được bầu. Mỗi đơn vị bầu cử được bầu không quá 3 đại biểu. Số lượng và danh sách các đơn vị bầu cử, số đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử do Hội đồng Bầu cử ấn định theo đề nghị của Ủy ban Bầu cử các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tổng số đại biểu Quốc hội cả nước được Hội đồng Bầu cử toàn quốc ấn định là không quá 500 người. Các tỉnh miền Nam đã tiến hành điều tra dân số gấp để thiết thực phục vụ cho bầu cử bảo đảm chính xác, công bằng, đồng thời phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch nhà nước. Hội đồng Bầu cử miền đã giúp cơ quan chủ trì việc bầu cử miền trong việc nghiên cứu và quy định các vấn đề cụ thể xuất phát từ đặc điểm của miền Nam mới được giải phóng, chính quyền nhân dân đang từng bước được củng cố.

Công tác chuẩn bị tổng tuyển cử là một cuộc biểu dương lực lượng đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc của những người yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tăng cường đoàn kết trong Mặt trận Dân tộc thống nhất do Đảng lãnh đạo, để họ sử dụng đúng đắn lá phiếu - quyền công dân của mình hăng hái đi bầu cử đại biểu Quốc hội thống nhất của cả nước. Phong trào thi đua yêu nước, lập thành tích chào mừng ngày bầu cử Quốc hội đã được các địa phương, lực lượng vũ trang, các ngành, các đoàn thể quần chúng xây dựng và tổ chức các hoạt động cụ thể thiết thực. Ở nhiều vùng nông thôn miền Nam, vùng dân tộc còn khó khăn, đồng bào chưa thoát nạn mù chữ đã tích cực học tập để đến ngày bầu cử biết đọc, tự tay viết lá phiếu của mình.

Từ giữa tháng 4.1976, các cấp ủy Đảng, các tổ chức phụ trách bầu cử, các đoàn thể quần chúng, trong phạm vi trách nhiệm của mình đã đến các cơ sở kiểm tra việc chuẩn bị tổng tuyển cử. Gần đến ngày bầu cử, Nhân dân cả nước đều tổ chức các cuộc mít tinh, tuần hành quần chúng, biểu diễn văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng ngày tổng tuyển cử...

Việc giới thiệu người ra ứng cử đã được tiến hành một cách thật sự dân chủ. Mặt trận Dân tộc thống nhất cùng với các đoàn thể quần chúng đóng một vai trò rất quan trọng. Những người ra ứng cử ở miền Bắc đều do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu; ở miền Nam do Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Ủy ban Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam giới thiệu. Danh sách người ra ứng cử đã được các tổ chức quần chúng ở cơ sở thảo luận, cân nhắc kỹ trước khi đưa lên Mặt trận Dân tộc thống nhất hiệp thương và chính thức giới thiệu. Cả nước có 605 người ra ứng cử là những người tiêu biểu, bao gồm các nhà hoạt động cách mạng lâu năm, các đại biểu công nhân, nông dân, quân nhân cách mạng, trí thức, văn nghệ sĩ, sinh viên, tư sản dân tộc, đại biểu các dân tộc, các tôn giáo… Danh sách đó thực sự là hình ảnh của khối đại đoàn kết toàn dân dựa trên cơ sở liên minh công - nông - binh gồm những người có nhiều thành tích trong sản xuất, công tác và chiến đấu. Ở miền Nam, theo tiêu chuẩn cụ thể của Pháp lịnh (pháp lệnh) bầu cử Quốc hội, đó là những người yêu nước, có thành tích chống đế quốc Mỹ và tay sai, tán thành thống nhất Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội.

Những cuộc tiếp xúc giữa ứng cử viên và cử tri được tổ chức trong khắp các đơn vị bầu cử và khu vực bầu cử. Những cuộc trao đổi ý kiến về tiểu sử ứng cử viên được tổ chức đến tận xóm, ấp, bản, làng, đơn vị chiến đấu và cơ sở sản xuất, “tổ Nhân dân”, “tổ đoàn kết”… Công tác này có tác dụng chẳng những giúp cử tri tìm hiểu ứng cử viên và lựa chọn đại biểu mà còn nâng cao ý thức trách nhiệm của Nhân dân đối với công việc của nhà nước. Riêng ở vùng mới giải phóng còn có tác dụng giúp Nhân dân hiểu rõ thêm yêu cầu về phẩm chất, đạo đức của đại biểu Quốc hội trong chế độ ta.

Ngày 25.4.1976 thật sự là ngày hội lớn của toàn dân ta. Hơn 23 triệu cử tri, với tư thế người làm chủ đất nước đã nô nức đi làm nghĩa vụ công dân của mình, bầu những đại biểu xứng đáng vào cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Tỷ lệ chung cử tri đi bầu cử là 98,77%. Nhiều đơn vị lực lượng vũ trang đạt 100% quân số đi bầu; một số địa phương đạt trên 99% số cử tri đi bầu cử.

Cả nước đã bầu đủ 492 đại biểu ngay ở vòng đầu, không nơi nào phải bầu lại hoặc bầu thêm. Ở vùng mới giải phóng miền Nam, nhiều người là công nhân, nông dân lao động bình thường nhưng có thành tích xuất sắc, có uy tín cao đã được bầu vào Quốc hội; nhiều nhân sĩ, trí thức yêu nước được Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng miền nam Việt Nam và Ủy ban Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam giới thiệu đã đắc cử.

Với thành phần như vậy, Quốc hội Khóa VI là Quốc hội thống nhất cả nước, là hình ảnh của khối đại đoàn kết toàn dân, dựa trên cơ sở liên minh công nông do Đảng lãnh đạo.

Sau thắng lợi to lớn của cuộc tổng tuyển cử ngày 25.4.1976, Quốc hội chung cả nước đã họp phiên đầu tiên từ ngày 24.6 - 3.7.1976. Ủy ban thẩm tra tư cách đại biểu đã báo cáo Quốc hội và xác nhận 492 người trúng cử đủ tư cách đại biểu Quốc hội Khóa VI, nhiệm kỳ 1976 - 1981. Tại phiên họp quan trọng và đầy ý nghĩa này, Quốc hội đã bầu, phê chuẩn các chức danh, các cơ quan của bộ máy nhà nước Việt Nam độc lập, thống nhất.

Ông Tôn Đức Thắng được bầu làm Chủ tịch Nước. Ông Nguyễn Lương Bằng được bầu làm Phó Chủ tịch Nước. Ông Trường Chinh được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Có 7 Phó Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 13 Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội và 2 Ủy viên dự khuyết.

Quốc hội cũng bầu: Ủy ban Kế hoạch và Ngân sách (36 thành viên); Ủy ban Dự án pháp luật (18 thành viên); Ủy ban Dân tộc (27 thành viên); Ủy ban Văn hóa và Giáo dục (28 thành viên); Ủy ban Y tế và Xã hội (22 thành viên); Ủy ban Đối ngoại (12 thành viên); Ủy ban Dự thảo Hiến pháp (36 thành viên), do Chủ tịch Trường Chinh trực tiếp làm Chủ tịch. So với Quốc hội Khóa V thì Khóa VI không có Ủy ban Thống nhất của Quốc hội mà có Ủy ban Dự thảo Hiến pháp để thực hiện việc xây dựng Hiến pháp mới cho nước Việt Nam thống nhất.

Ông Phạm Văn Đồng được bầu làm Thủ tướng Chính phủ. Có 7 Phó Thủ tướng và các Bộ trưởng. Cơ quan hành pháp được Quốc hội phê chuẩn có 34 Bộ và cơ quan ngang Bộ. Ông Phạm Văn Bạch được bầu làm Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao. Ông Trần Hữu Dực được bầu làm Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao.

Thắng lợi to lớn của tổng tuyển cử ngày 25.4.1976 là thắng lợi của ý chí sắt đá vững vàng của toàn dân ta quyết tâm khắc phục khó khăn, xây dựng thành công một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội. Qua tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội chung cả nước, cùng với Nhân dân miền Bắc, đồng bào miền Nam đã nói lên một cách hùng hồn sự lựa chọn dứt khoát của mình: Vì thống nhất Tổ quốc, thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Nguồn: Cổng thông tin điện tử thành phố Hải phòng

**VII. KỶ NIỆM 47 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975-30/4/2022)**

Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được ký kết, Mỹ buộc phải rút quân khỏi miền Nam Việt Nam. Song, chúng không từ bỏ âm mưu xâm lược Việt Nam, tiếp tục viện trợ, tạo điều kiện cho chính quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định Pari.

Mỹ ra sức xây dựng quân đội ngụy Sài Gòn thành một đội quân tay sai “mạnh nhất ở Đông - Nam á”, với số quân trên 1 triệu 10 vạn tên, được tổ chức thành 4 quân đoàn gồm 13 sư đoàn và nhiều lữ đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn, với 1.850 máy bay các loại, 1.588 khẩu pháo, 2.074 xe tăng, 1.611 tàu chiến; với hàng triệu tấn vật tư chiến tranh được đưa vào miền Nam trước và sau khi ký Hiệp định Pari. Ngoài ra còn có lực lượng bảo an, dân vệ được trang bị đầy đủ. Chúng liên tiếp đưa ra nhiều kế hoạch chiến tranh với mục tiêu trong 3 năm (từ 1973-1975), chiếm hết tất cả các vùng giải phóng và đặt toàn bộ miền Nam dưới quyền kiểm soát của chúng.

Sau Hiệp định Pari, ở miền Nam Việt Nam đã hình thành hai vùng kiểm soát, hai quân đội, hai chính quyền. Lực lượng vũ trang cách mạng đang đứng vững trên các địa bàn chiến lược quan trọng. Uy tín của Mặt trận Dân tộc Giải phóng và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế. Hội nghị cấp cao của gần 80 nước Không liên kết họp tại Angiê, tháng 9-1973 đã công nhận Cộng hoà miền Nam Việt Nam là thành viên chính thức của Phong trào Không liên kết, công nhận Chính phủ Cách mạng lâm thời là người đại diện chân chính duy nhất của nhân dân miền Nam Việt Nam.

Về phía địch, sau khi rút khỏi miền Nam, đế quốc Mỹ đã lún sâu vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng. Nước Mỹ chìm ngập trong“cuộc khủng hoảng lòng tin”, kinh tế bị suy thoái, nạn lạm phát và nạn thất nghiệp tăng, xã hội bị rối loạn, nội bộ chính quyền và các đảng phái bị chia rẽ sâu sắc. Vụ bê bối Oatơghết lại càng đẩy nước Mỹ vào cảnh bi đát. Níchxơn buộc phải từ chức Tổng thống Mỹ. Viện trợ quân sự của Mỹ cho nguỵ quyền Sài Gòn đã bị cắt giảm dần, từ 1.614 triệu USD năm 1972-1973, phải giảm xuống 1.026 triệu USD năm 1973-1974 và 701 triệu USD năm 1974-1975.

Ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu vấp phải những khó khăn chồng chất không thể khắc phục được. Đạn thiếu, hoả lực chi viện giảm gần 60%, máy bay, xe tăng và nhiên liệu thiếu, sức cơ động giảm 50% buộc Thiệu phải kêu gọi quân ngụy chuyển sang tác chiến theo“kiểu con nhà nghèo”. Chiến lược “chiến tranh diện địa” với mục đích “bảo vệ đến mức tối đa an ninh lãnh thổ” làm cho lực lượng của địch dàn ra trên những địa bàn quá rộng. Với thế trận bố trí phân tán như vậy, quân địch không thể chống đỡ nổi sức mạnh tiến công và nổi dậy đều khắp của quân và dân miền Nam trên các chiến trường.

Tháng 7-1973, Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xác định nhiệm vụ cách mạng miền Nam sau khi Hiệp định Pari được ký kết. Nghị quyết Hội nghị nêu rõ: “Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là: Đoàn kết toàn dân, đấu tranh trên cả ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao một cách chủ động, linh hoạt, tuỳ theo từng lúc, từng nơi mà kết hợp ba mặt đấu tranh buộc địch phải thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Pari về Việt Nam, đồng thời chuẩn bị khả năng tiến lên phản công để giành thắng lợi hoàn toàn”.

Nghị quyết nhấn mạnh: bất kể trong tình huống nào con đường giành thắng lợi của cách mạng miền Nam cũng là con đường bạo lực, do đó phải nắm vững chiến lược tiến công.

Trong hai năm 1973-1974, quân và dân miền Nam đã đánh bại hầu hết các cuộc hành quân lấn chiếm của địch, giữ vững và mở rộng vùng giải phóng, đẩy địch vào thế phòng ngự bị động, phải co về giữ các vùng đô thị và đường giao thông quan trọng.

Cho đến cuối năm 1974, tình hình đã có những chuyển biến căn bản. Những điều kiện cho việc giải phóng hoàn toàn miền Nam đang chín muồi. Lực lượng vũ trang nhân dân gồm ba thứ quân đã lớn mạnh không ngừng về số lượng và chất lượng. Những binh đoàn cơ động gồm nhiều binh chủng hợp thành ra đời, đã tạo nên những quả đấm mạnh và những mũi nhọn sắc trên các địa bàn chiến lược quan trọng. Các lực lượng vũ trang nhân dân miền Nam đang giữ quyền chủ động tiến công địch trên chiến trường, không những có thể đánh bại được kế hoạch “bình định” lấn chiếm mà còn có sức mở ra những chiến dịch lớn, tiêu diệt những binh đoàn lớn của địch, giải phóng được nhiều vùng đất rộng, đông dân, cả ở vùng đồng bằng và thành phố. Những mạng đường vận tải chiến lược và chiến dịch dài hơn 2 vạn ki lô mét, chạy dọc dải Trường Sơn đến tận vùng Đông Nam Bộ và các chiến trường, những khối lượng rất lớn lương thực, vũ khí, xăng dầu, trang bị được vận chuyển vào chiến trường bảo đảm nhiệm vụ hậu cần cho cuộc chiến tranh giải phóng cuối cùng. Thành tích khôi phục kinh tế trong 2 năm 1973-1974 tạo cho nhân dân miền Bắc khả năng chi viện cao về người và của. Phong trào đấu tranh chính trị ở các vùng đô thị miền Nam đòi đánh đổ chế độ phát xít hiếu chiến độc tài Nguyễn Văn Thiệu, đòi hoà bình, độc lập, dân chủ, dân sinh phát triển mạnh.

Trước tình hình mới, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp tháng 10-1974 và tháng 1-1975 quyết định mục tiêu giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975-1976, và dự kiến nếu thời cơ đến sớm sẽ giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 giành được thắng lợi vang dội đầu tiên bằng Chiến dịch Tây Nguyên (từ 10-3-1975 đến 24-3-1975). Mở đầu chiến dịch này là cuộc tiến công táo bạo, bất ngờ giải phóng hoàn toàn thị xã Buôn Ma Thuột (11-3-1975). Bị choáng váng và sau khi các cuộc điều quân phản kích hòng chiếm lại Buôn Ma Thuột đều bị đánh bại, ngày 14-3-1975, Nguyễn Văn Thiệu và Bộ Tổng tham mưu ngụy đã hốt hoảng đi tới quyết định rút khỏi các tỉnh Plâycu, Kon Tum. Cuộc rút quân của địch đã biến thành cuộc tháo chạy hỗn loạn. Đến ngày 24-3-1975, vùng chiến lược Tây Nguyên rộng lớn với hơn 60 vạn đồng bào các dân tộc đã được giải phóng, 12 vạn quân địch đã bị tiêu diệt.

Sau thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên là thắng lợi của chiến dịch Huế-Đà Nẵng (từ 19 đến 29-3-1975).

Từ lúc chiến dịch Tây Nguyên mở đầu, quân và dân Trị-Thiên đã phối hợp hoạt động mạnh, tiến công và nổi dậy ở nhiều nơi. Ngày 19-3-1975 toàn bộ tỉnh Quảng Trị được giải phóng. Tiếp đó, quân và dân Thừa Thiên-Huế đã hình thành thế bao vây Huế bằng nhiều mũi và khống chế chặn đường rút chạy ra biển và vào Đà Nẵng. Ngày 24-3, Tam Kỳ và Quảng Ngãi được giải phóng. Ngày 26-3-1975, các lực lượng vũ trang nhân dân đã tiến hành hợp vây và cùng với đông đảo lực lượng quần chúng cách mạng nổi dậy tiêu diệt tập đoàn phòng ngự Thừa Thiên-Huế gồm 4 vạn tên địch, làm chủ thành phố Huế và toàn bộ tỉnh Thừa Thiên.

Ngày 28-3-1975, pháo binh quân giải phóng mở đầu cuộc tấn công giải phóng Đà Nẵng bằng đòn tập kích hoả lực mãnh liệt vào các vị trí quân sự địch trong thành phố và bán đảo Sơn Trà. Từ các hướng bắc, tây bắc, tây nam và đông nam, các binh đoàn thọc sâu có xe tăng dẫn đầu đã ào ạt tiến vào trung tâm thành phố. Cuộc tiến công Đà Nẵng của các binh đoàn chủ lực, kết hợp với lực lượng vũ trang địa phương và quần chúng nổi dậy đúng lúc kịp thời đã kết thúc sau 33 giờ chiến đấu giành thắng lợi rực rỡ, giải phóng Đà Nẵng-thành phố lớn thứ hai ở miền Nam-tiêu diệt và làm tan rã hơn 10 vạn quân địch, trong đó có cơ quan Bộ tư lệnh quân đoàn 1 ngụy, đập nát căn cứ liên hợp quân sự mạnh nhất của địch ở miền Trung. Quân khu 1 ngụy bị xoá sổ. Kế hoạch co cụm chiến lược hòng giữ vùng đồng bằng ven biển của địch vừa triển khai đã bị đập tan.

Thắng lợi của chiến dịch Huế-Đà Nẵng và của chiến dịch Tây Nguyên, cùng những thắng lợi trên khắp chiến trường đã đẩy quân địch vào tình thế tuyệt vọng, tinh thần bị suy sụp, tổ chức bị tan rã, chiến lược bị bế tắc. Chính đế quốc Mỹ cũng phải thừa nhận rằng, đây là những đòn hiểm không có cách gì chống đỡ và không có phép gì hồi phục được. Tuy nhiên, với bản chất cực kỳ phản động và ngoan cố, Mỹ-ngụy vẫn tìm mọi cách cố thủ.

Dưới sự đôn đốc của tướng Mỹ Uâyen và với một khối lượng vũ khí do Mỹ viện trợ cấp tốc bằng một cầu hàng không mới từ Băng Cốc (Thái Lan) sang, chúng gấp rút xây dựng phòng tuyến từ Phan Rang trở vào, hòng cố giữ đến mùa mưa, và đề ra một kế hoạch khẩn trương củng cố và tăng cường lực lượng để chuẩn bị cho những trận đọ sức mới. ở khu vực Sài Gòn, sào huyệt cuối cùng, địch bố trí những lực lượng lớn khống chế các đường dẫn vào thành phố; trên mọi hướng dày đặc các sư đoàn, lữ đoàn bộ binh, các đơn vị thiết giáp, lính dù,v.v...Chúng còn đặt những vật chướng ngại ngăn cản bộ binh, xe tăng quân giải phóng và huy động 3 sư đoàn không quân trực tiếp chi viện.

Tiếp theo cuộc họp ngày 25-3-1975, trong đó có nêu nhiệm vụ cụ thể giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa, ngày 31-3-1975, Bộ Chính trị đã họp nhận định: cuộc Tổng tiến công chiến lược đã giành được thắng lợi cực kỳ to lớn, tiêu diệt và loại khỏi vòng chiến đấu 2 quân đoàn, giải phóng 16 tỉnh, đưa số nhân dân vùng giải phóng lên 8 triệu; thời cơ chiến lược tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào sào huyệt của địch đã hoàn toàn chín muồi. Cần có quyết tâm lớn hoàn thành trận quyết định chiến lược cuối cùng tốt nhất trong tháng tư năm 1975. Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã quyết định thành lập Bộ chỉ huy và Đảng ủy Mặt trận Sài Gòn do một tập thể các ủy viên Bộ Chính trị tại chiến trường (Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng) lãnh đạo, chỉ đạo. Đại tướng Văn Tiến Dũng, Tổng tham mưu trưởng, trực tiếp làm Tư lệnh Bộ chỉ huy chiến dịch. Ông Phạm Hùng làm Chính ủy. Trước đó, ngày 25-3-1975, Hội đồng chi viện chiến trường đã được thành lập, do Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm Chủ tịch.

Bộ Chính trị cũng đã quyết định tiến hành chiến dịch giải phóng Sài Gòn lấy tên là chiến dịch Hồ Chí Minh (từ 9-4 đến ngày 30-4-1975). Từ đầu tháng 4-1975, các binh đoàn chủ lực trên đường hành quân tiến về Sài Gòn đã đánh địch, giải phóng Phan Rang, Bình Thuận, Bình Tuy, Xuân Lộc, đánh chiếm Bà Rịa. Ngày 26-4-1975, cuộc tiến công lớn vào Sài Gòn bắt đầu. Những trận chiến đấu quyết liệt và những trận bão lửa dữ dội diễn ra trước hết ở hướng đông là hướng địch tập trung nhiều lực lượng và tổ chức chống cự rất điên cuồng. Từ khắp các hướng, năm cánh quân lớn phối hợp với các lực lượng vũ trang địa phương và được sự giúp sức của quần chúng nổi dậy, nhất loạt tấn công địch với sức mạnh vũ bão. Từ ngày 26 đến ngày 28-4, một bộ phận quan trọng lực lượng địch trên tuyến phòng thủ vòng ngoài bị tiêu diệt. Các binh đoàn chủ lực của quân giải phóng xiết chặt vòng vây xung quanh Sài Gòn.  
Hoảng sợ trước nguy cơ sắp bị tiêu diệt hoàn toàn, từ ngày 18-4-1975, Tổng thống Mỹ G.Pho ra lệnh di tản gấp người Mỹ ở Sài Gòn bằng một lực lượng không quân và hải quân Mỹ.

Ngụy quyền tay sai, sau khi Trần Văn Hương lên thay Thiệu (21-4) rồi Dương Văn Minh lên thay Hương (28-4) đã thực sự lâm vào cảnh tuyệt vọng.

Ngày 30-4, với sự hiệp đồng chiến đấu rất anh dũng của các lực lượng đặc biệt tinh nhuệ, các lực lượng biệt động, tự vệ vùng ven và nội đô, cùng với sự nổi dậy đều khắp và rất kịp thời của quần chúng trong và ngoài thành phố, các cánh quân hùng mạnh đã thần tốc thọc sâu, tiến thẳng vào chiếm các mục tiêu quan trọng trong thành phố Sài Gòn-Gia Định: Dinh Độc lập (tức Phủ Tổng thống ngụy), Bộ Tổng tham mưu và Khu Bộ tư lệnh các binh chủng của địch, sân bay Tân Sơn Nhất, Đài phát thanh, Biệt khu thủ đô và Tổng nha cảnh sát. Nhân dân thành phố Sài Gòn hân hoan chào đón các lực lượng vũ trang, con em của mình và cùng bộ đội truy lùng địch, tước vũ khí của chúng, dẫn đường cho bộ đội, bảo vệ các cơ sở kinh tế và văn hoá. Tổng thống ngụy quyền Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện.

Đúng 11 giờ 30 ngày 30-4-1975, lá cờ Cách mạng được cắm trên nóc Dinh Độc lập. Đây là thời điểm đánh dấu thành phố Sài Gòn-Gia Định hoàn toàn giải phóng. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Trên đà chiến thắng, từ ngày 30-4-1975, đồng bào và chiến sĩ các tỉnh Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long đã đồng loạt tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, lần lượt giải phóng các tỉnh còn lại. Ngày 1-5-1975, toàn bộ lãnh thổ đất liền miền Nam đã được giải phóng.

 Cùng với các tỉnh ở đất liền, ngày 30-4-1975, các chiến sĩ yêu nước bị địch giam giữ ở đảo Côn Sơn nổi dậy làm chủ hoàn toàn đảo này. Ngày 2-5-1975, quân giải phóng phối hợp cùng nhân dân tiến công và nổi dậy, giành quyền làm chủ hoàn toàn đảo Phú Quốc. Trước đó, từ những ngày đầu tháng 4-1975, trong quá trình giải phóng các tỉnh miền Trung và Nam Trung Bộ, quân và dân miền Nam đã giải phóng một loạt các đảo ở dọc bờ biển. Ngày 14-4, Quân khu 5 phối hợp với Bộ tư lệnh Hải quân giải phóng các đảo thuộc quần đảo Trường Sa do quân ngụy Sài Gòn chiếm giữ.

Trải qua 55 ngày đêm chiến đấu thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, quân và dân Việt Nam đã tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn đội quân nguỵ gồm hơn 1 triệu tên, thu toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh và các căn cứ quân sự Mỹ-ngụy, đập tan bộ máy ngụy quyền từ trung ương đến cơ sở, xoá bỏ ách thống trị thực dân mới của Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Tiếp theo chiến công vĩ đại “đánh cho Mỹ cút”, quân và dân Việt Nam đã thực hiện trọn vẹn Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh “đánh cho ngụy nhào”, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Ngày 15-5-1975, trên toàn miền Nam đã diễn ra các cuộc mít tinh, diễu hành mừng chiến thắng. ở Sài Gòn, hàng triệu nhân dân đã xuống đường và tham dự cuộc mít tinh lịch sử. Chủ tịch Tôn Đức Thắng và Đoàn đại biểu Đảng Lao động Việt Nam, Quốc hội, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng đã có mặt trong cuộc mít tinh trọng thể tại Sài Gòn.

Trong bài diễn văn đọc tại buổi lễ mừng chiến thắng sáng 15-5-1975, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đã kêu gọi công nhân, nông dân, các nhà trí thức và đồng bào miền Nam hãy nêu cao tinh thần làm chủ, lao động sáng tạo, xây dựng đất nước, thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh.

Ngày 6-8-1975, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra Tuyên bố nêu rõ Cộng hoà miền Nam Việt Nam xúc tiến việc tìm kiếm và khai thác dầu mỏ trên lãnh thổ của mình và sẵn sàng thảo luận với Chính phủ và các công ty nước ngoài muốn tham gia việc này.

Ngày 10-9-1975, Chính phủ Cách mạng lâm thời ra Tuyên bố về một số chính sách khôi phục và phát triển kinh tế công thương nghiệp, bài trừ hành động lũng đoạn đầu cơ tích trữ, phá rối thị trường của bọn tư sản mại bản.

Ngày 22-9-1975, hoàn thành việc thu đổi tiền“Chính quyền Sài Gòn cũ”, phát hành tiền Ngân hàng Việt Nam trên toàn miền Nam.

Từ ngày 20 đến ngày 22-12-1975, Hội nghị Đại biểu nhân dân miền Nam đã họp tại thành phố Sài Gòn-Gia Định để nghe báo cáo và phê chuẩn kết quả Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất Tổ quốc.

Ngày 28-1-1976, Chính phủ Cách mạng lâm thời công bố chính sách khoan hồng, độ lượng đối với những binh sĩ ngụy quân, nhân viên ngụy quyền và đảng viên các đảng phái phản động đã đăng ký trình diện và học tập cải tạo tốt.

Tháng 2-1976, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đã ra Nghị định về việc giải thể Khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam. Theo Nghị định này, ở miền Nam có 20 tỉnh và 1 thành phố lớn là thành phố Hồ Chí Minh. Địa giới và tên các tỉnh mới như sau:

1- Tỉnh Bình Trị Thiên (gồm 3 tỉnh cũ là: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên và thành phố Huế).

2- Tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng (gồm tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng).

3- Tỉnh Nghĩa Bình (gồm 2 tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định cũ).

4- Tỉnh Phú Khánh (gồm 2 tỉnh Phú Yên và Khánh Hoà cũ).

5- Tỉnh Gia Lai-Kon Tum (gồm 2 tỉnh Gia Lai và Kon Tum cũ).

6- Tỉnh Đắc Lắc (gồm 2 tỉnh Đắc Lắc và Quảng Đức cũ).

 7- Tỉnh Thuận Hải (gồm 3 tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và Bình Tuy cũ).

8- Tỉnh Lâm Đồng (gồm 2 tỉnh Tuyên Đức và Lâm Đồng cũ và thành phố Đà Lạt).

9- Tỉnh Đồng Nai (gồm 3 tỉnh Bà Rịa, Long Khánh và Biên Hoà cũ).

10- Tỉnh Sông Bé (gồm 2 tỉnh Thủ Đầu Một và Bình Phước cũ).

11- Tỉnh Long An (gồm 2 tỉnh Long An và Kiến Tường cũ).

12- Tỉnh Tiền Giang (gồm 2 tỉnh Mỹ Tho và Gò Công cũ và thành phố Mỹ Tho).

13- Tỉnh Cửu Long (gồm 2 tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh cũ).

14- Tỉnh Hậu Giang (gồm 2 tỉnh Cần Thơ và Sóc Trăng cũ và thành phố Cần Thơ).

15- Tỉnh Đồng Tháp (gồm 2 tỉnh Sa Đéc và Kiến Phong cũ).

16- Tỉnh An Giang (gồm một số huyện của tỉnh Long Châu Hà, hai huyện của tỉnh Long Châu Tiền, một huyện của tỉnh Sa Đéc và toàn bộ tỉnh An Giang cũ trước chia ra nay nhập lại giữ tên An Giang).

17- Tỉnh Kiên Giang (gồm tỉnh Rạch Giá và ba huyện của tỉnh Long Châu Hà cũ).

18- Tỉnh Minh Hải (gồm 2 tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu cũ).

19- Tỉnh Tây Ninh.

20- Tỉnh Bến Tre.

   
Nguồn: CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

(http://www2.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/noidungchinhsachthanhtuu?categoryId=797&articleId=10001596)  
  
**VIII. HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH**

Bác Hồ với miền Nam - “nỗi nhớ nhà” theo hành trình lịch sử

Chuyện của Trần Dân Tiên kể: Đầu năm 1911 ở Sài Gòn, anh Thành nói với người bạn là anh Lê: “Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”. Sau đó anh Thành lấy tên là Văn Ba xin làm phụ bếp cho tàu của hãng “Vận tải hợp nhất” từ cảng Sài Gòn đi sang Pháp và các nước - Ngày ấy là 5/6/1911.

Hành trình của Nguyễn Tất Thành - Văn Ba - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh suốt 58 năm về sau là hành trình lịch sử tìm con đường cứu nước cho dân tộc và viết tên đất nước Việt Nam trên bản đồ thế giới, xây dựng nền dân chủ cộng hòa  và kháng chiến bảo vệ độc lập tự do cho Tổ quốc; nhưng Bác Hồ không có một lần thứ hai trở lại Nam bộ - miền Nam. Nhà thơ Tố Hữu trong bài thơ Bác ơi viết năm 1969, đã nói hộ tấm lòng của Bác đối với miền Nam, cũng là tấm lòng của đồng bào miền Nam đối với Bác: “Bác nhớ miền Nam, nỗi nhớ nhà/ Miền Nam mong Bác, nỗi mong cha”.

Mười năm bôn ba với khát vọng cháy bỏng: “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi”; rồi 10 năm truyền bá con đường cách mạng vô sản về Việt Nam; lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc – Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Đảng Cộng sản Việt Nam phải 15 năm chuẩn bị lực lượng và điều kiện để chớp thời cơ Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, “Tự ta giải phóng cho ta” và tái sinh dân tộc để khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Nước được độc lập, dân được tự do, nhưng thực dân đế quốc gây chiến tranh xâm lược, phá hoại hòa bình, chia cắt đất nước, buộc nhân dân Việt Nam phải đứng lên kháng chiến, đồng bào miền Nam phải liên tục 30 năm đấu tranh… Chủ tịch Hồ Chí Minh trăn trở: “Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên”.

Ngày 31/5/1946, trước khi lên đường sang Pháp tìm giải pháp cứu vãn hòa bình ở Việt Nam, Bác Hồ gửi thư cho đồng bào Nam bộ khẳng định: “Đồng bào Nam bộ là dân nước Việt Nam” và tin tưởng: “Với quyết tâm của đồng bào, với quyết tâm của toàn thể nhân dân, Nam bộ nhất định trở lại cùng thân ái chung trong lòng Tổ quốc”. Tại Hội nghị Việt - Pháp ở Fontainebleau, Người tuyên bố: “Nam bộ là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi”.

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ, Người kêu gọi nhân dịp kỷ niệm 6 năm Ngày Nam bộ kháng chiến (1952) và bày tỏ: “Dù ở xa, nhưng lòng tôi và Chính phủ rất gần Nam bộ. Tôi theo dõi từng giờ, từng phút cuộc đấu tranh anh dũng của đồng bào, chiến sĩ và cán bộ ta”. Kết thúc cuộc kháng chiến lần thứ nhất, đất nước lại bị chia cắt, Bác viết thư gửi bộ đội và gia đình cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc (9/1954) phác ra tiến trình: “Đến ngày hòa bình đã được củng cố, thống nhất được thực hiện, độc lập dân chủ đã hoàn thành, đồng bào sẽ vui vẻ trở về quê cũ. Lúc đó rất có thể tôi sẽ cùng đồng bào vào thăm miền Nam yêu quý của chúng ta”.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trường kỳ và gian khổ, đồng bào miền Nam vẫn là người “Đi trước về sau”. Bác chúc mừng năm mới ngày 1/1/1956 và khen: “Miền Nam yêu quý của chúng ta luôn xứng đáng là “Thành đồng Tổ quốc””. Các cán bộ tập kết đem theo cây vú sữa của đồng bào miền Nam gửi tới Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bác trồng cây vú sữa ngay cạnh ngôi nhà ở góc vườn Phủ Chủ tịch. Khi chuyển về ở và làm việc tại nhà sàn, Người cho chuyển cây vú sữa về trồng cạnh nhà sàn để hàng ngày Bác chăm sóc và luôn cảm thấy gần đồng bào chiến sĩ miền Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nghĩ: "Ở miền Nam, mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng. Gộp nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi". Bác tâm sự: "Quê mình ở Nam Đàn, Nghệ An, nhưng mẹ mình mất ở xứ Huế, cha mình mất ở Cao Lãnh. Quê mình trải dài đất nước, ở những nơi như Phan Thiết, Sài Gòn trước lúc ra nước ngoài, mình đã từng sống và từng đến nơi. Nhưng nay về nước đã bao nǎm rồi, mà mình vẫn chưa về đến chốn".

Năm 1962, Bác vui mừng được gặp Đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam do giáo sư Nguyễn Vǎn Hiếu dẫn đầu ra thǎm miền Bắc. Bác nhận quà quý của đồng bào miền Nam và Người đặt bàn tay lên ngực trái rồi cảm động nói: "Bác chẳng có gì tặng lại cả, chỉ có cái này: Miền Nam yêu quý luôn luôn ở trong trái tim tôi".

Năm 1963, Quốc hội quyết định trao tặng Chủ tịch Hồ Chí Minh Huân chương Sao Vàng; Bác đã cảm ơn Quốc hội và đề nghị cho phép chưa nhận phần thưởng cao quý, “Chờ đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc hoà bình thống nhất, Bắc - Nam sum họp một nhà, Quốc hội sẽ cho phép đồng bào miền Nam trao cho tôi Huân chương cao quý. Như vậy thì toàn dân sẽ sung sướng, vui mừng”. Năm đó, trong bữa cơm với Thượng tướng Trần Văn Trà trước khi vào Nam chiến đấu, Bác gửi hộp xì-gà quà quý của Chủ tịch Phiđen Caxtơrô tặng và nói: “Bác gửi chú món quà này mang về cho anh em trong đó hút để nhớ Bác và nhớ đến Cu Ba anh em. Cố gắng giải phóng nhanh để Bác được vào thăm đồng bào miền Nam”.

Nǎm 1965, gặp đoàn anh hùng dũng sĩ miền Nam ra thăm miền Bắc, cả đoàn đều khóc vì sung sướng, cảm động và vây quanh Bác; Người xúc động nói: “Bác mong các cháu lắm, Bác nhớ đồng bào miền Nam lắm”. Bác hỏi chuyện chiến trường và được biết tâm tư của đồng bào cán bộ chiến sĩ miền Nam “không sợ gian khổ, không sợ chết mà chỉ sợ một điều… sau này không được nhìn thấy Bác”. Vừa nghe xong, Bác trào dâng nước mắt, khóc vì thương nhớ miền Nam.

Bác tự rèn luyện sức khỏe và đề nghị Bộ Chính trị thu xếp cho Bác đi vào miền Nam với quyết tâm “Nếu không có đường nào khác thì tổ chức cho tôi đi bộ. Các chú đi được thì tôi đi được. Đi mỗi ngày một ít”. Chiến tranh ác liệt và đường đi khó khăn, nhưng Bác thuyết phục “Đi thǎm đúng lúc đó mới có tác dụng khuyến khích thêm anh em...”. Cán bộ chiến sĩ miền Nam ra Bắc đều được vào nhà sàn và ăn cơm với Bác. Người dặn xúc cơm cho thật đầy bát và ăn cho hết thức ăn; riêng Bác cũng cố gắng ăn hai bát cơm để mọi người tin rằng Bác vẫn khỏe và đồng bào miền Nam yên tâm. Ngày 5/8/1969 Đoàn liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình miền Nam do Luật sư Trịnh Đình Thảo làm Chủ tịch ra Bắc vào thăm Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bác rất vui mừng nêu rõ ý chí: “Phải tiếp tục đánh mạnh, đánh đau, đánh đến khi Mỹ - Nguỵ thất bại hoàn toàn, cho đến khi miền Nam hoàn toàn giải phóng”.  
Tháng 8/1969, Bác trên giường bệnh nhưng vẫn nghe báo cáo tình hình chiến trường, vẫn theo dõi bản đồ chiến sự miền Nam. Chiếc đài bán dẫn là chiến lợi phẩm thu được ở trận Phước Thành tháng 9/1961 gửi ra biếu Bác, hàng ngày là người cung cấp tin tức trong nước, tin thế giới và tin chiến trường miền Nam. Có hôm Bác mệt và muốn uống nước dừa từ cây dừa giống ở miền Nam gửi ra, đồng chí phục vụ hái dừa từ cây dừa được Bác chăm bón, Bác nhấp chút nước dừa ngọt mát và như cảm thấy ấm lành hơn. Mỗi khi tỉnh dậy sau cơn mệt nặng, bao giờ Bác cũng hỏi tin tức về miền Nam.

Làm Chủ tịch nước, Bác càng nặng lòng và dành cho đồng bào miền Nam những tình cảm thiêng liêng, cao quý, luôn mong muốn đất nước thống nhất với ý định “đến ngày đó tôi sẽ đi khắp hai miền Nam Bắc”, được vào thăm nhân dân miền Nam. Nhưng ngày đó không bao giờ đến được với Bác, vì lúc 9:47 phút ngày 2/9/1969 Người đã vĩnh biệt cõi trần để “đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác”.

Nghe tin Bác mất, cả nước cuộn niềm đau thương, cả miền Nam cồn cào thương tiếc. Người dân Nam bộ bất chấp bom đạn, hiểm nguy đã lập bàn thờ để tưởng nhớ Bác ngay trong các vùng địch tạm chiếm; giữa đô thành Sài Gòn có các anh em xích lô sắp hàng ngồi mặc niệm tưởng nhớ Bác. Nhân dân vùng giải phóng lập bàn thờ ngay tại mỗi gia đình để dành cả tấm lòng cho Bác; đồng bào Pa Kô, Vân Kiều ở Thừa Thiên - Huế làm lễ để tang Bác, rồi theo gương Anh hùng Hồ Đức Vai lấy họ của Bác Hồ đặt họ cho mình…

Bác từng mong ước: “Bao giờ Nam - Bắc một nhà/ Dân giàu nước mạnh thì ta vui lòng”. Ngày 30/4/1975 cả dân tộc cùng hát “Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng”. Và mỗi tháng Năm kỷ niệm ngày sinh của Bác từ ấy đến nay, cả đất nước lại trào dâng lòng thành kính nhớ Bác khôn nguôi.

Nguồn: baochinhphu.vn

**IX. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH MỚI CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 4/2022**

Từ tháng 4/2022, nhiều chính sách mới sẽ có hiệu lực như giảm thuế môi trường với xăng dầu, hỗ trợ lao động ngành du lịch học nghề, nới điều kiện trở thành giảng viên đại học, cao đẳng ngành sư phạm…

**1. Giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu**

Ngày 23/3/2022, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chính thức thông qua Nghị quyết giảm thuế bảo vệ môi trường với xăng, dầu diesel, dầu mazut, dầu nhờn. Nghị quyết áp dụng trong thời gian từ ngày 1/4 - 31/12/2022.

Theo đó, xăng (trừ etanol) giảm 2.000 đồng/lít, từ 4.000 đồng/lít xuống 2.000 đồng/lít. Dầu diesel, dầu mazut, dầu nhờn giảm 1.000 đồng/lít, từ 2.000 đồng/lít xuống 1.000 đồng/lít.

Mỡ nhờn giảm 1.000 đồng/kg, từ 2.000 đồng/kg xuống 1.000 đồng/kg. Dầu hỏa giảm 700 đồng/lít, từ 1.000 đồng/lít xuống mức sàn 300 đồng/lít. Riêng nhiên liệu bay giữ như mức hiện hành đang được giảm là 1.500 đồng/lít.

**2. Hỗ trợ học nghề 1,5 triệu đồng/tháng đối với lao động ngành du lịch**

Có hiệu lực từ ngày 9/4//2022, Thông tư 12/2022/TT-BTC quy định việc doanh nghiệp, tổ chức về du lịch sẽ được hỗ trợ một phần kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho lao động nghề du lịch với số tiền như sau:

- Trong đó, người tham gia khóa đào tạo nghề đến 3 tháng được hỗ trợ tính theo mức thu học phí của cơ sở đào tạo nghề nghiệp và thời gian học nghề thực tế nhưng tối đa không quá 4,5 triệu đồng/người/khóa.

- Đối với người tham gia khóa đào tạo nghề trên 3 tháng được hỗ trợ không quá 1,5 triệu đồng/tháng và thời gian hỗ trợ không quá 6 tháng.

- Lương công chức quản lý thị trường cao nhất gần 12 triệu đồng/tháng

- Theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BCT có hiệu lực từ ngày 1/4, quy định cụ thể việc xếp lương đối với các ngạch công chức quản lý thị trường như Ngạch Kiểm soát viên cao cấp thị trường, Ngạch Kiểm soát viên chính thị trường, Ngạch Kiểm soát viên thị trường và Ngạch Kiểm soát viên trung cấp thị trường.

- Cụ thể, với mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng thì lương công chức quản lý thị trường sẽ dao động từ hơn 3,1 triệu đồng đến gần 12 triệu đồng/tháng.

- Chế độ hưởng tiền lương với viên chức quốc phòng thôi việc

- Nghị định 19/2022/NĐ-CP hướng dẫn chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng chuyển ngành, công nhân và viên chức quốc phòng thôi việc, có hiệu lực từ ngày 15/4/2022.

- Theo đó, công nhân, viên chức quốc phòng thôi việc hưởng trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 1 tháng tiền lương của tháng liền kề trước khi thôi việc.  
Tiền lương tháng để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần với công nhân, viên chức quốc phòng thôi việc là tiền lương làm căn cứ đóng BHXH của tháng liền kề trước khi công nhân, viên chức quốc phòng thôi việc…

- Nới điều kiện để trở thành giảng viên đại học, cao đẳng sư phạm

- Thông tư 4/2022/TT-BGDĐT có hiệu lực từ 19/4/2022 đã sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bổ nhiệm giảng viên tại các trường cao đẳng sư phạm, đại học của Thông tư 35/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT.

- Đáng chú ý, Thông tư 04/2022/TT-BGDĐT cho phép áp dụng tiêu chuẩn chung là có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao đẳng sư phạm hoặc theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học.

Nếu đã có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp trước ngày 30/6/2022 là đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên và được sử dụng khi tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng.

Nguồn: tienphong.vn